



HAGL Group



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý I năm 2017

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	7 - 45

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017


Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.696.913.392	5.362.074.534
110	I. Tiền		104.756.963	291.731.443
111	1. Tiền	4	104.756.963	291.731.443
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.477.573.382	4.965.440.340
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	382.367.290	358.844.277
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	89.102.146	68.926.127
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	2.722.831.100	2.471.337.409
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.289.529.291	2.072.588.972
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.256.445)	(6.256.445)
140	III. Hàng tồn kho		108.687.862	101.179.533
141	1. Hàng tồn kho	9	108.962.181	101.179.533
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(274.319)	-
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		5.895.185	3.723.218
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		803.490	354.224
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.091.695	3.368.994
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		22.930.805.874	23.243.999.351
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		11.478.728.126	11.789.255.330
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	10.881.626.279	11.249.488.058
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	597.101.847	539.767.272
220	II. Tài sản cố định		283.702.639	286.787.246
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	225.769.344	228.256.797
222	Nguyên giá		327.956.337	326.639.890
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(102.186.993)	(98.383.093)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	57.933.295	58.530.449
228	Nguyên giá		67.522.174	67.522.174
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.588.879)	(8.991.725)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	13.126.032	13.251.042
231	1. Nguyên giá		15.001.180	15.001.180
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(1.875.148)	(1.750.138)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		469.767	1.974.731
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		469.767	1.974.731
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		11.141.927.963	11.139.377.963
251	1. Đầu tư vào công ty con	13.1	11.216.439.436	11.213.889.436
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	13.2	5.000.000	5.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13.3	7.360.040	7.360.040
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(86.871.513)	(86.871.513)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		12.851.347	13.353.039
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	12.851.347	13.353.039
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		28.627.719.266	28.606.073.885

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		16.274.466.816	16.326.537.190
310	I. Nợ ngắn hạn		5.495.544.987	5.737.413.396
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	91.193.520	86.744.243
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	1.185.468.225	1.159.148.220
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	73.212.219	57.219.255
314	4. Phải trả người lao động		14.192.955	11.555.025
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	289.956.352	514.437.703
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	1.063.840.245	1.130.883.679
320	7. Vay ngắn hạn	20	2.773.743.241	2.773.199.648
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.938.230	4.225.623
330	II. Nợ dài hạn		10.778.921.829	10.589.123.794
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	18	191.214.558	9.507.878
338	2. Vay dài hạn	20	10.579.793.661	10.571.394.796
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		2.208.776	2.329.641
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		5.704.834	5.891.479
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.353.252.450	12.279.536.695
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	12.353.252.450	12.279.536.695
411	1. Vốn cổ phần		7.899.679.470	7.899.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.899.679.470	7.899.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.539.078.784	3.539.078.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		279.895.303	279.895.303
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		635.285.533	561.569.778
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		561.569.778	561.186.730
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		73.715.755	383.048
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		28.627.719.266	28.606.073.885


Nguyễn Thị Đỗ Quyền
Người lập


Dương Hoàng Bắc
Kế toán trưởng




Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 5 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	74.544.298	267.711.073	74.544.298	267.711.073
11	2. Giá vốn hàng bán	23	(65.841.880)	(217.560.108)	(65.841.880)	(217.560.108)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.702.418	50.150.965	8.702.418	50.150.965
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	263.707.550	331.102.352	263.707.550	331.102.352
22	5. Chi phí tài chính	24	(157.477.568)	(348.664.003)	(157.477.568)	(348.664.003)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(156.738.448)	(311.068.872)	(156.738.448)	(311.068.872)
25	6. Chi phí bán hàng	25	(2.757.318)	(7.408.802)	(2.757.318)	(7.408.802)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(19.392.316)	(18.946.512)	(19.392.316)	(18.946.512)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		92.782.766	6.234.000	92.782.766	6.234.000
31	9. Thu nhập khác	27	816.144	675.529	816.144	675.529
32	10. Chi phí khác	27	(1.182.595)	(804.125)	(1.182.595)	(804.125)
40	11. Lỗ khác	27	(366.451)	(128.596)	(366.451)	(128.596)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

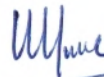
Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		92.416.315	6.105.404	92.416.315	6.105.404
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	(18.821.425)	(11.616.467)	(18.821.425)	(11.616.467)
52	14. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28	120.865	7.102.401	120.865	7.102.401
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		73.715.755	1.591.338	73.715.755	1.591.338



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
 Người lập

Ngày 19 tháng 5 năm 2017



Dương Hoàng Bắc
 Kế toán trưởng




Võ Trường Sơn
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2017

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận trước thuế		92.416.315	6.105.404
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	10,11,12	5.079.638	4.891.343
03	Các khoản dự phòng		274.319	-
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái		330.007	4.660.537
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(263.523.293)	(297.748.721)
06	Chi phí lãi vay	24	156.738.448	311.068.872
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(8.684.566)	28.977.435
09	Giảm các khoản phải thu		45.512.006	72.731.682
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(7.782.648)	61.873.044
11	Giảm các khoản phải trả		(36.213.390)	(85.212.262)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		52.426	(812.487)
14	Tiền lãi vay đã trả		(189.000.000)	(228.000.369)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	28	(2.008.599)	(11.616.468)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(287.393)	(789.001)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(198.412.164)	(162.848.426)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(365.057)	(20.572.386)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		6.917.973	116.538.167
23	Tiền chi cho vay		(63.400.962)	(254.494.548)
24	Tiền thu hồi cho vay		59.705.000	310.252.673
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(2.550.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		-	55.122.820
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.130.730	50.844.008
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		11.437.684	257.690.734

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		-	72.280.180
34	Tiền trả nợ gốc vay		-	(160.056.891)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		-	(87.776.711)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(186.974.480)	7.065.597
60	Tiền đầu kỳ	4	291.731.443	238.067.919
70	Tiền cuối kỳ	4	104.756.963	245.133.516



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
 Người lập

Ngày 19 tháng 5 năm 2017



Dương Hoàng Bắc
 Kế toán trưởng




Võ Trường Sơn
 Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2017

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo hai mươi tám (28) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty có chín (9) công ty con trực tiếp, một (1) công ty liên kết và năm (5) chi nhánh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; cơ khí; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; các hoạt động về thể thao và giải trí và sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Quý I năm 2017 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa	-	Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	7 năm
Phần mềm vi tính	8 năm
Tài sản khác	6 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	30 năm
--------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí đi vay (tiếp theo)

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và chủ yếu là chi phí liên quan đến công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần không quá 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Phân phối lợi nhuận thuần (tiếp theo)

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ chưa hoàn thiện, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch căn hộ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.21 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được hủy bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

3.22 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền gửi ngân hàng	103.244.312	289.602.746
Tiền mặt tại quỹ	1.512.651	2.128.697
TỔNG CỘNG	104.756.963	291.731.443

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	201.169.228	237.669.545
Phải thu hợp đồng xây dựng	172.024.795	104.705.886
Phải thu tiền bán căn hộ	9.173.267	9.550.873
Phải thu từ bán tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	6.917.973
TỔNG CỘNG	382.367.290	358.844.277

Phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 262.515.229 ngàn VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 (*Thuyết minh số 29*).

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	79.988.524	59.812.505
Trả trước cho nhà thầu xây dựng	9.113.622	9.113.622
TỔNG CỘNG	89.102.146	68.926.127

Trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước cho bên liên quan là 2.150.000 ngàn VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 (*Thuyết minh số 29*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Phải thu cho vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	2.625.438.031	2.466.950.084
Trong đó:		
Cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú") (i)	446.516.211	446.516.211
Cho vay ngắn hạn các công ty con (ii)	1.152.376.353	986.876.353
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan khác (iii)	1.026.545.467	1.033.557.520
Phải thu cho vay ngắn hạn các công ty khác (iv)	97.393.069	4.387.325
	2.722.831.100	2.471.337.409
Dài hạn		
Phải thu cho vay dài hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	10.458.232.356	10.765.093.392
Trong đó:		
Cho vay dài hạn các công ty con (ii)	9.192.014.237	9.466.382.326
Cho vay dài hạn các bên liên quan khác (iii)	1.266.218.119	1.298.711.066
Phải thu cho vay dài hạn các công ty khác (iv)	253.393.325	314.394.068
Khoản cho vay Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (v)	170.000.598	170.000.598
	10.881.626.279	11.249.488.058
TỔNG CỘNG	13.604.457.379	13.720.825.467

- (i) Đây là khoản cho An Phú vay theo hợp đồng vay số 01/07/HĐV/AP/HAGL ngày 17 tháng 7 năm 2014, có hạn mức là 650 tỷ VND, có kỳ hạn ba năm kể từ ngày cho vay (ngày 17 tháng 7 năm 2014) và có lãi suất là 8%/năm.
- (ii) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các công ty con có thời hạn hoàn trả từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 7 năm 2020 và lãi suất trung bình từ 8%/năm đến 14%/năm.
- (iii) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan khác có thời hạn hoàn trả từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 7 năm 2020 và lãi suất trung bình từ 8%/năm đến 13%/năm.
- (iv) Cho vay các công ty khác thể hiện khoản cho vay tín chấp các công ty và cá nhân khác với thời hạn hoàn trả từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 7 năm 2020 và lãi suất trung bình từ 9,45%/năm đến 13%/năm.
- (v) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cân trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	2.225.877.122	2.020.915.105
Phải thu lãi cho vay	46.183.078	38.419.727
Phải thu nhân viên	8.970.554	5.196.425
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	318.229	334.520
Các khoản khác	8.180.308	7.723.195
	2.289.529.291	2.072.588.972
Dài hạn		
Phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") (<i>Thuyết minh số 29</i>) (i)	511.411.100	493.211.100
Phải thu lãi cho vay (<i>Thuyết minh số 29</i>)	85.176.067	45.948.565
Ký quỹ, ký cược dài hạn	514.680	514.680
Phải thu khác	-	92.927
	597.101.847	539.767.272
TỔNG CỘNG	2.886.631.138	2.612.356.244

- (i) Thể hiện khoản hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần An Đông Mía - công ty con để đầu tư vào Dự án trồng 9.173 ha cao su và xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su tại Huyện Koun Mom, Tỉnh Rattanakiri, Vương quốc Campuchia theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 0103/2014/HAGL-ADM/HĐHTĐT ngày 1 tháng 3 năm 2014. Theo đó, Công ty sẽ góp 88% tổng vốn đầu tư Dự án. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ Dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 dự án vẫn đang trong giai đoạn triển khai thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	44.739.946	46.792.708
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.105.246	30.246.278
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hoạt động xây dựng</i>	22.193.075	24.227.754
<i>Hoạt động sản xuất</i>	3.812.171	5.978.274
<i>Dịch vụ cung cấp</i>	100.000	40.250
Hàng hóa	21.320.790	21.103.672
Vật liệu xây dựng	12.855.434	-
Thành phẩm	3.753.285	2.482.884
Nguyên vật liệu	144.867	402.773
Công cụ, dụng cụ	42.613	151.218
TỔNG CỘNG	108.962.181	101.179.533

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND						
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Vườn cây lâu năm</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	239.118.033	40.372.709	37.333.284	3.018.364	6.689.440	108.060	326.639.890
Tăng trong kỳ	1.563.441	70.000	236.580	-	-	-	1.870.021
Thanh lý trong kỳ	-	-	(553.574)	-	-	-	(553.574)
Ngày 31 tháng 3 năm 2017	<u>240.681.474</u>	<u>40.442.709</u>	<u>37.016.290</u>	<u>3.018.364</u>	<u>6.689.440</u>	<u>108.060</u>	<u>327.956.337</u>
Giá trị hao mòn lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	(49.866.477)	(20.364.516)	(20.189.648)	(2.191.721)	(5.730.206)	(40.525)	(98.383.093)
Khấu hao trong kỳ	(2.003.103)	(1.045.980)	(963.241)	(100.839)	(239.808)	(4.503)	(4.357.474)
Thanh lý trong kỳ	-	-	553.574	-	-	-	553.574
Ngày 31 tháng 3 năm 2017	<u>(51.869.580)</u>	<u>(21.410.496)</u>	<u>(20.599.315)</u>	<u>(2.292.560)</u>	<u>(5.970.014)</u>	<u>(45.028)</u>	<u>(102.186.993)</u>
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>189.251.556</u>	<u>20.008.193</u>	<u>17.143.636</u>	<u>826.643</u>	<u>959.234</u>	<u>67.535</u>	<u>228.256.797</u>
Ngày 31 tháng 3 năm 2017	<u>188.811.894</u>	<u>19.032.213</u>	<u>16.416.975</u>	<u>725.804</u>	<u>719.426</u>	<u>63.032</u>	<u>225.769.344</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Ngàn VND</i>
			<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 3 năm 2017	52.350.201	15.171.973	67.522.174
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	(739.395)	(8.252.330)	(8.991.725)
Khấu hao trong kỳ	(184.847)	(412.307)	(597.154)
Ngày 31 tháng 3 năm 2017	(924.242)	(8.664.637)	(9.588.879)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	51.610.806	6.919.643	58.530.449
Ngày 31 tháng 3 năm 2017	51.425.959	6.507.336	57.933.295

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Ngàn VND</i>
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>
Nguyên giá	
Ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 3 năm 2017	15.001.180
Giá trị hao mòn lũy kế	
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	(1.750.138)
Khấu hao trong kỳ	(125.010)
Ngày 31 tháng 3 năm 2017	(1.875.148)
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	13.251.042
Ngày 31 tháng 3 năm 2017	13.126.032

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND			
	<u>Ngày 31 tháng 3 năm 2017</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 13.1)	11.216.439.436	(86.871.513)	11.213.889.436	(86.871.513)
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 13.2)	5.000.000	-	5.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 13.3)	7.360.040	-	7.360.040	-
TỔNG CỘNG	<u>11.228.799.476</u>	<u>(86.871.513)</u>	<u>11.226.249.476</u>	<u>(86.871.513)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 31 tháng 3 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
<i>Các Tổng Công ty con quản lý ngành</i>								
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi	Đang hoạt động	70,45	5.224.484.938	-	70,45	5.224.484.938	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Bất động sản	Đang hoạt động	68,90	3.253.537.647	-	68,90	3.253.537.647	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Năng lượng	Đang hoạt động	99,40	2.532.179.575	-	99,40	2.532.179.575	-
<i>Các công ty xây dựng, kinh doanh và dịch vụ</i>								
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL	Bệnh viện	Đang hoạt động	99,00	99.000.000	-	99,00	99.000.000	-
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	CLB Bóng đá	Đang hoạt động	51,00	59.000.000	(59.000.000)	51,00	59.000.000	(59.000.000)
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	80,00	26.930.800	(26.930.800)	80,00	26.930.800	(26.930.800)
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Quản lý bất động sản và khách sạn	Trước hoạt động	100,00	17.778.990	-	100,00	17.778.990	-
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Quản lý bất động sản và khách sạn	Đang hoạt động	94,50	977.486	(940.713)	94,50	977.486	(940.713)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo	Thương mại	Trước hoạt động	51,00	2.550.000	-	-	-	-
TỔNG CỘNG				11.216.439.436	(86.871.513)		11.213.889.436	(86.871.513)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 3 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Dịch vụ tư vấn	500.000	25,00	5.000.000	500.000	25,00	5.000.000
TỔNG CỘNG				5.000.000			5.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty Cổ phần Truyền Thông Thanh Niên	6.200.000	6.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng Không Viễn Đông	1.160.040	1.160.040
TỔNG CỘNG	7.360.040	7.360.040

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền thuê đất trả trước	9.626.930	9.694.786
Công cụ, dụng cụ	3.189.808	3.557.378
Chi phí bán căn hộ	34.609	100.875
TỔNG CỘNG	12.851.347	13.353.039

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	91.143.520	86.694.243
Phải trả tiền mua sắm máy móc thiết bị	50.000	50.000
TỔNG CỘNG	91.193.520	86.744.243

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 40.321.546 ngàn VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 (Thuyết minh số 29).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Khách hàng thương mại trả tiền trước	645.273.823	622.126.887
Khách hàng xây dựng trả tiền trước	535.081.407	530.537.536
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	5.112.995	6.483.797
TỔNG CỘNG	<u>1.185.468.225</u>	<u>1.159.148.220</u>

Người mua trả tiền trước bao gồm các khoản nhận ứng trước từ các bên liên quan là 1.165.186.342 ngàn VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 (*Thuyết minh số 29*).

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 28</i>)	64.794.216	47.981.390
Thuế thu nhập cá nhân	684.681	785.857
Thuế giá trị gia tăng	-	1.962.674
Các khoản phải nộp khác	7.733.322	6.489.334
TỔNG CỘNG	<u>73.212.219</u>	<u>57.219.255</u>

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	254.707.649	476.946.173
Chi phí hoạt động	35.248.703	37.491.530
	<u>289.956.352</u>	<u>514.437.703</u>
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	191.214.558	9.507.878
TỔNG CỘNG	<u>481.170.910</u>	<u>523.945.581</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	906.468.103	951.927.828
Các khoản khác	157.372.142	178.955.851
TỔNG CỘNG	1.063.840.245	1.130.883.679

20. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Vay ngắn hạn		
Trái phiếu chuyển đổi	1.100.000.000	1.100.000.000
Trái phiếu đến hạn trả	1.648.743.241	1.648.199.648
<i>Trong đó</i>		
Trái phiếu hoán đổi	1.130.000.000	1.130.000.000
Trái phiếu thường trong nước đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 20.1</i>)	518.743.241	518.199.648
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 20.2</i>)	25.000.000	25.000.000
	2.773.743.241	2.773.199.648
Vay dài hạn		
Trái phiếu thường trong nước (<i>Thuyết minh số 20.1</i>)	9.704.517.853	9.696.118.988
Vay dài hạn ngân hàng (<i>Thuyết minh số 20.2</i>)	875.275.808	875.275.808
	10.579.793.661	10.571.394.796
TỔNG CỘNG	13.353.536.902	13.344.594.444

20.1 Trái phiếu thường trong nước

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, trái phiếu thường trong nước được chi tiết như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Số tiền	Ngày đáo hạn
			Ngàn VND
Công ty TNHH Chứng khoán ACB	Ngày 25 tháng 4 năm 2012	820.024.292	Từ ngày 27 tháng 4 năm 2017 đến ngày 18 tháng 6 năm 2023
Công ty TNHH Chứng khoán ACB	Ngày 30 tháng 12 năm 2016	240.000.000	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 30 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, trái phiếu thường trong nước được chi tiết như sau (tiếp theo):

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngày phát hành</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>
		<i>Ngàn VND</i>	
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia	Ngày 29 tháng 12 năm 2016	930.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Ngày 28 tháng 11 năm 2014	1.000.000.000	Ngày 28 tháng 12 năm 2021
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Ngày 30 tháng 12 năm 2016	183.000.000	Ngày 29 tháng 12 năm 2020
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Ngày 27 tháng 8 năm 2015	600.000.000	Ngày 27 tháng 12 năm 2021
BIDV và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	Ngày 30 tháng 12 năm 2016	6.546.000.000	Ngày 30 tháng 12 năm 2026
Chi phí phát hành trái phiếu		(95.763.198)	
TỔNG CỘNG		<u>10.223.261.094</u>	
<i>Trong đó:</i>			
<i>Trái phiếu đến hạn trả</i>		518.743.241	
<i>Trái phiếu dài hạn</i>		9.704.517.853	

20.2 Vay dài hạn ngân hàng

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	299.706.458	299.706.458
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	600.569.350	600.569.350
TỔNG CỘNG	<u>900.275.808</u>	<u>900.275.808</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả</i>	25.000.000	25.000.000
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	875.275.808	875.275.808

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Quý I năm 2016						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	279.895.303	561.186.730	12.279.153.647
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	1.591.338	1.591.338
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2016	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	279.895.303	562.778.068	12.280.744.985

	Ngàn VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Quý I năm 2017						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	279.895.303	561.569.778	12.279.536.695
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	73.715.755	73.715.755
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2017	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	279.895.303	635.285.533	12.353.252.450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Cổ phiếu

	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2017 Cổ phiếu</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	789.967.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	789.967.947	789.967.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>789.967.947</i>	<i>789.967.947</i>
Số lượng cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>68.664</i>	<i>68.664</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	789.899.283	789.899.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>789.899.283</i>	<i>789.899.283</i>

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VND			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	74.544.298	267.711.073	74.544.298	267.711.073
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	42.941.194	103.377.896	42.941.194	103.377.896
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	21.154.554	44.334.579	21.154.554	44.334.579
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	7.592.802	8.477.927	7.592.802	8.477.927
<i>Doanh thu căn hộ</i>	2.855.748	47.043.071	2.855.748	47.043.071
<i>Doanh thu bán bất động sản đầu tư</i>	-	64.477.600	-	64.477.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VND			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay	262.511.819	329.943.206	262.511.819	329.943.206
Lãi tiền gửi ngân hàng	951.474	772.696	951.474	772.696
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	184.257	386.450	184.257	386.450
Cổ tức nhận được	60.000	-	60.000	-
TỔNG CỘNG	263.707.550	331.102.352	263.707.550	331.102.352

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Ngàn VND			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	37.936.484	85.104.758	37.936.484	85.104.758
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	20.824.350	26.017.640	20.824.350	26.017.640
Giá vốn dịch vụ cung cấp	5.028.283	4.716.964	5.028.283	4.716.964
Giá vốn căn hộ	2.052.763	36.853.320	2.052.763	36.853.320
Giá vốn bất động sản đầu tư	-	64.867.426	-	64.867.426
TỔNG CỘNG	65.841.880	217.560.108	65.841.880	217.560.108

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	156.738.448	311.068.872	156.738.448	311.068.872
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	389.120	5.017.776	389.120	5.017.776
Lỗi thanh lý các khoản đầu tư	-	32.577.355	-	32.577.355
Các khoản khác	350.000	-	350.000	-
TỔNG CỘNG	157.477.568	348.664.003	157.477.568	348.664.003

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Ngàn VND			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí vận chuyển và dịch vụ mua ngoài	1.447.525	5.606.887	1.447.525	5.606.887
Chi phí lương nhân viên	419.194	524.974	419.194	524.974
Các khoản khác	890.599	1.276.941	890.599	1.276.941
TỔNG CỘNG	2.757.318	7.408.802	2.757.318	7.408.802

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Ngàn VND			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	11.036.579	11.541.605	11.036.579	11.541.605
Chi phí khấu hao	2.345.063	2.442.000	2.345.063	2.442.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.312.173	2.155.887	2.312.173	2.155.887
Các khoản khác	3.698.501	2.807.020	3.698.501	2.807.020
TỔNG CỘNG	19.392.316	18.946.512	19.392.316	18.946.512

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	816.144	675.529	816.144	675.529
Các khoản khác	816.144	675.529	816.144	675.529
Chi phí khác	1.182.595	804.125	1.182.595	804.125
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	239.808	239.808	239.808	239.808
Các khoản phạt	780.620	114.533	780.620	114.533
Các khoản khác	162.167	449.784	162.167	449.784
LỖ KHÁC	(366.451)	(128.596)	(366.451)	(128.596)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Ngàn VND	
	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.821.425	11.616.467
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(120.865)</u>	<u>(7.102.401)</u>
TỔNG CỘNG	<u>18.700.560</u>	<u>4.514.066</u>

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Ngàn VND	
	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	92.416.315	6.105.404
Các khoản chi phí không được khấu trừ	640.185	1.042.672
Các khoản phạt	780.620	376.953
Thu nhập cổ tức	(60.000)	-
Lỗi (lãi) chênh lệch tỷ giá từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	<u>330.007</u>	<u>(4.668.163)</u>
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	<u>94.107.127</u>	<u>2.856.866</u>
Thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	18.660.828	-
Thuế TNDN hiện hành của hoạt động bất động sản	160.597	5.919.916
Điều chỉnh trích bổ sung thuế TNDN năm trước	<u>-</u>	<u>5.696.551</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	18.821.425	11.616.467
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	47.981.390	65.185.053
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	<u>(2.008.599)</u>	<u>(11.616.468)</u>
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ (Thuyết minh số 17)	<u>64.794.216</u>	<u>65.185.052</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Quý I năm 2017

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	69.760.864
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.582.971
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	9.820
		Mua hàng hóa và dịch vụ	3.860
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay	32.177.289
		Bán hàng hóa	6.525.901
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	3.919.454
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	35.358.121
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	26.439.559
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	6.961.147
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	87.818
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	17.997.818
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	4.178.385
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.848.284
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	8.531.250
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	5.858.687
		Bán hàng hóa	2.831.363
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi cho vay	13.322.295
		Mua dịch vụ	435.695
		Cung cấp dịch vụ	2.123
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Bên liên quan	Bán hàng hóa	12.947.583
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	663.641
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	9.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi cho vay	8.929.924

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau (tiếp theo):

			<i>Ngàn VND</i>
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Bán hàng hóa	8.029.310
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	6.648.495
		Bán hàng hóa	13.744
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	6.026.116
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	105.664
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	42.317
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Bên liên quan	Lãi cho vay	5.601.250
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay	4.217.452
		Cung cấp dịch vụ	50.345
Công ty TNHH MTV Nguyên Vật liệu Hoàng Thơ	Bên liên quan	Lãi cho vay	3.717.919
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.079.062
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	55.115
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	20.780
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Bên liên quan	Lãi cho vay	2.002.921
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Bên liên quan	Lãi cho vay	1.945.928
Công ty TNHH An Tiến	Bên liên quan	Lãi cho vay	1.703.417
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Công ty con	Lãi cho vay	850.188
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa	617.546
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Bên liên quan	Lãi cho vay	517.661
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	186.582

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Số dư</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)</i>			
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa Cung cấp dịch vụ xây dựng	57.288.378 6.699.117
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cung cấp dịch vụ xây dựng Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	51.510.845 1.207.797
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa	30.968.611
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Bán hàng hóa	19.841.889
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng Cung cấp dịch vụ	15.507.637 9.722.467
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Cung cấp dịch vụ xây dựng	11.958.490 8.458.182
Công Ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Bên liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	15.732.146
Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Công ty con	Bán hàng hóa	9.914.513
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa Cung cấp dịch vụ xây dựng	8.368.869 1.291.840
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cung cấp dịch vụ xây dựng	5.869.574
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Bán hàng hóa	4.416.038
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Cung cấp dịch vụ xây dựng	1.273.014 10.802
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Cung cấp dịch vụ xây dựng	819.700 150.784
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	767.167
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	737.369
TỔNG CỘNG			262.515.229

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6)</i>			
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Ứng trước cung cấp dịch vụ	<u>2.150.000</u>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</i>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	660.000.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	530.376.353
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	446.516.211
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	189.000.000
Công ty TNHH MTV Nguyên Vật liệu Hoàng Thơ	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	115.917.134
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	82.000.000
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	61.628.333
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	40.000.000
TỔNG CỘNG			<u>2.625.438.031</u>
<i>Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7)</i>			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	4.992.811.533
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	1.321.977.971
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	873.464.400
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	695.076.977
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	675.198.956
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	397.409.844

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số dư
Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7) (tiếp theo)			
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	350.000.000
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Phải thu cho vay dài hạn	300.000.000
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	232.345.310
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	188.939.198
Công ty TNHH An Tiến	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	107.500.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	82.726.796
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	54.140.387
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	53.092.286
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	34.007.539
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	32.000.000
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	18.791.500
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	15.880.386
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	14.651.980
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	10.165.504
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	7.544.584
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh XêKông	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	507.205
TỔNG CỘNG			<u>10.458.232.356</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>			
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi cho vay	844.680.762
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	335.018.251
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	292.332.462
		Chi trả hộ	292.289
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi trả hộ	167.253.584
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Bên liên quan	Lãi cho vay	149.300.069
		Chi trả hộ	2.619.183
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	79.132.388
		Chi trả hộ	42.400
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay	67.492.818
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	53.173.003
		Chi trả hộ	3.405.008
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	32.725.035
Công ty TNHH MTV Nguyên Vật liệu Hoàng Thơ	Bên liên quan	Lãi cho vay	27.183.105
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Lãi cho vay	27.098.503
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Chi trả hộ	21.689.231
Công ty TNHH An Tiến	Bên liên quan	Lãi cho vay	19.355.792
		Các khoản khác	203.137
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay	18.289.494
		Chi trả hộ	2.795.581
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Bên liên quan	Lãi cho vay	15.125.640
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	12.894.640
		Chi trả hộ	41.603
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Bên liên quan	Chi trả hộ	12.624.059
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	12.016.965

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8) (tiếp theo)</i>			
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	Bên liên quan	Lãi cho vay	11.971.135
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Chi trả hộ	4.249.212
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Bên liên quan	Lãi cho vay	3.246.482
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Chi trả hộ	2.754.466
Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Công ty con	Chi trả hộ	2.730.178
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên HĐQT	Tạm ứng hoạt động kinh doanh	1.600.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Chi trả hộ	1.384.543
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Công ty con	Chi trả hộ	304.905
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Phó Tổng giám đốc	Tạm ứng hoạt động kinh doanh	300.000
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng giám đốc	Tạm ứng hoạt động kinh doanh	294.000
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	257.199
TỔNG CỘNG			<u>2.225.877.122</u>
<i>Phải thu dài hạn khác</i>			
<i>Phải thu về BCC (Thuyết minh số 8)</i>			
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Công ty con	Phải thu về BCC	511.411.100
<i>Phải thu lãi cho vay (Thuyết minh số 8)</i>			
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Công ty con	Lãi cho vay	955.071
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	67.788.093
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi cho vay	16.432.903
TỔNG CỘNG			<u>85.176.067</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15)</i>			
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	16.274.173
Công ty TNHH MTV Nguyên Vật liệu Hoàng Thơ	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	9.328.145

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 như sau (tiếp theo):

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Số dư</i>
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15) (tiếp theo)			
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Mua hàng hóa	9.209.211
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.510.873
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	1.932.273
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Mua dịch vụ	640.911
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	425.960
TỔNG CỘNG			40.321.546
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 16)			
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Nhận ứng trước dịch vụ xây dựng	306.020.992
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Nhận ứng trước dịch vụ xây dựng	194.864.544
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	140.157.988
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	122.231.030
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	109.223.907
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	98.159.761
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	57.253.289
		Nhận ứng trước dịch vụ xây dựng	30.800.000
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	51.779.504
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	35.619.991
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Bên liên quan	Nhận ứng trước tiền mua dịch vụ	16.259.546
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	2.229.747
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	586.043
TỔNG CỘNG			1.165.186.342

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

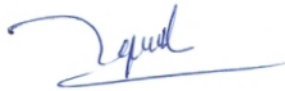
Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số dư
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 19)			
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	366.158.461
		Chi trả hộ	489.770
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Chi trả hộ	316.087.045
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	120.972.462
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Chi trả hộ	22.769.750
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	13.342.400
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Chi trả hộ	11.786.059
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Các khoản khác	9.495.906
Công ty TNHH MTV Nguyên Vật liệu Hoàng Thơ	Bên liên quan	Các khoản khác	9.158.584
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Các khoản khác	7.260.018
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	6.051.722
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Các khoản khác	5.983.971
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi trả hộ	3.808.366
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Công ty con	Chi trả hộ	3.323.700
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con	Chi trả hộ	2.402.766
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	2.065.085
		Các khoản khác	140.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Chi trả hộ	1.825.937
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	1.339.264
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thư ký HĐQT	Chi trả hộ	1.204.111
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	802.726
TỔNG CỘNG			<u>906.468.103</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.




Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Ngày 19 tháng 5 năm 2017



Dương Hoàng Bắc
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc